TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 354/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/8/2026.
V/v "Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Thắng.

Ông Nguyễn Văn Ấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 418/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Thông báo dời phiên tòa số: 06/2026/TBTA-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1983, CCCD: 082183021043.

Địa chỉ: ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, sinh năm 1968, CCCD: 082068021774.

Địa chỉ: ấp P (nay là ấp N), xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trương Minh T, sinh năm 1986, CCCD: 082086006187.

Địa chỉ: ấp H (nay là ấp H), xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Trung H, sinh năm 1991, CCCD: 082091003674.

Địa chỉ: khu phố G (nay là khu phố M), phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(*Tất cả các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị C có đại diện ủy quyền về phần chia tài sản chung là ông Trần Văn D cùng thống nhất trình bày:***

Qua tìm hiểu, chị C và anh Trương Minh T chung sống với nhau từ năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/4/2025. Sau khi cưới chị C và anh T chung sống tại ấp H, xã B (nay là xã T). Quá trình chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau về mọi mặt trong đời sống vợ chồng. Hiện chị C cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh Trương Minh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh chị có căn nhà tại ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp do vợ chồng anh chị xây trên thửa đất cá nhân của anh T, căn nhà với diện tích 150m^2, nhà cấp 4, tường bê tông, gạch nền, mái tôn được xây dựng vào năm 2023, Chị C yêu cầu chia đôi căn nhà cấp 4 và mái che có kết cấu và giá trị theo Chứng thư định giá số 260 của Công ty T1, chị C yêu cầu được nhận giá trị và đồng ý giao nhà và mái che cho anh T. Ngoài ra, chị C yêu cầu anh T có nghĩa vụ giao lại chị C số tài sản gồm 01 giường hộp gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, giao cho anh T được tiếp tục sở hữu 01 giường hộp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 bàn dài gỗ. Chị C yêu cầu nhận bằng giá trị. Chị C thống nhất các tài sản chỉ còn 80% giá trị khi mua cụ thể: Giường hộp gỗ giá trị còn lại: 16.800.000 đồng; Tủ áo gỗ giá trị còn lại: 12.000.000 đồng; Tủ lạnh giá trị còn lại: 8.400.000 đồng; Bàn trang điểm gỗ giá trị còn lại: 3.600.000 đồng; Giá võng gỗ giá trị còn lại: 1.440.000 đồng; Bàn gỗ dài giá trị còn lại: 1.440.000 đồng. Chị C có yêu cầu chia đôi số tiền chi phí tố tụng gồm tiền tạm ứng xem xét thẩm định và chi phí định giá tài sản.

- Về nợ chung: Không có.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Minh T có đại diện ủy quyền về phần chia tài sản chung là anh Ngô Trung H cùng thống nhất trình bày:***

Anh thống nhất với chị C có đăng ký kết hôn, có mâu thuẫn anh T đồng ý ly hôn với chị C, về con chung không có, về tài sản chung là nhà và mái che không có, anh và chị C sống chung năm nào anh không nhớ, khi anh cất nhà là tiền anh tự vay mượn mà có, chỉ có nhờ chị C đi trả tiền công thợ, những người làm chứng cũng như chị C chỉ nhớ sự việc chứ không đưa ra được hóa đơn, chứng từ, hay chuyển khoản về việc mua bán các vật tư xây nhà, hiện nay anh cũng còn nợ nhưng khi mượn tiền là người trong nhà nên anh không có viết giấy nợ, anh cũng chưa có yêu cầu giải quyết nợ gì trong vụ án này, nhà cất trên đất của anh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang giữ bản chính. Vì tình nghĩa vợ chồng, muốn chị C ra đi có thể tạo lập chỗ ở mới, anh chỉ đồng ý chia 35% giá trị tài sản. Về tài sản khác, anh T thống nhất giao bằng hiện vật cho chị C 01 giường hộp gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, không đồng ý giao bằng giá trị. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 14, 16, 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, 216 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị C và anh T.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu việc chia tài sản chung của chị C.

Về chi phí tố tụng: Chị C là người đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Căn cứ theo quy định thì nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng được xác định tương ứng với tỷ lệ yêu cầu của đương sự được Tòa án chấp nhận. Do yêu cầu chia tài sản của chị C đối với căn nhà và mái che là có căn cứ chấp nhận nên anh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng. Do đó yêu cầu chia đôi chi phí này của chị C là phù hợp. Anh T có nghĩa vụ trả lại chị C ½ chi phí tố tụng

Về án phí: Các bên đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác nhận quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, chia tài sản chung".

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tình cảm: Anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/4/2025 (nay là Ủy ban nhân dân xã T). Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2022 đến khi đăng ký kết hôm xong thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Chị C và anh T thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C yêu cầu chia đôi nhà và mái che.

Xét thấy, mặc dù chị C và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2025, nhưng trước đó chị C và anh T đã có chung sống như vợ chồng, tại phiên tòa anh T trình bày có sống chung trước khi kết hôn nhưng không nhớ ngày nào, chị C xác định

vào năm 2022, anh T không phản đối gì với lời trình bày của chị C, do đó có cơ sở xác định anh chị đã sống chung như vợ chồng từ năm 2022 cho đến khi anh T và chị C đăng ký kết hôn, đối với căn nhà và mái che thì anh T và chị C xác định được xây dựng từ năm 2023, anh T thừa nhận có nhờ chị C đi trả tiền công thợ nhưng không thừa nhận tiền của chị C, chị C có trình bày căn nhà được xây cất dựa trên tiền của anh T và chị C bỏ ra, cụ thể chị C có trả tiền thợ, tiền vật tư, tiền cây, tiền sơn nước, tiền cửa, mặc dù những người làm chứng không nhớ rõ số tiền cụ thể, cũng như chị C, những người này không còn giữ hóa đơn, chứng từ mua bán gì, nhưng lời trình bày của chị C trùng khớp với lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, sau đó chị C cùng anh T có mua một số vật dụng được anh T thừa nhận là tài sản chung với chị C như 02 giường hộp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, 01 bàn dài gỗ, điều này chứng tỏ chị C và anh T đã sống chung với nhau trong căn nhà đang tranh chấp trên, như vậy có căn cứ xác định đây là tài sản chung của chị C và anh T. Anh T và chị C thống nhất chứng thư định giá ngày 12/3/2026 của Công ty TNHH T1. Do đó, việc chị C yêu cầu chia đôi tài sản trên gồm căn nhà và mái che, chị C được nhận bằng giá trị, giao cho anh T bằng hiện vật là hoàn toàn phù hợp, bởi lẽ, căn nhà và mái che này được cất trên thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.500m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN12104 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cấp ngày 26/4/2024 cho anh T. Cụ thể, chị C được nhận ½ giá trị nhà ở và mái che 632.621.400 đồng = 316.310.700 đồng.

Về tài sản chung khác gồm: Anh T và chị C thống nhất 02 giường hộp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, 01 bàn dài gỗ là tài sản chung, chị C và anh T thống nhất chia cho chị C 01 giường hợp gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, chia cho anh T 01 giường hợp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 bàn dài gỗ, tuy nhiên chị C yêu cầu nhận bằng giá trị, anh T không đồng ý, anh T đồng ý giao cho chị C bằng hiện vật. Để đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đảm bảo các nguyên tắc khi chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nhận giá trị mà cần giao bằng hiện vật cho chị C, anh T. Do đó, chia cho chị C 01 giường hợp gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ, chia cho anh T 01 giường hợp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 bàn dài gỗ (tổng giá trị tài sản mỗi người được nhận là 30.240.000 đồng).

[2.4] Về nợ chung: Chị C trình bày không có, anh T trình bày là có nợ chung nhưng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 157 BLTTDS thì anh T được hưởng 50% giá trị tài sản nên phải chịu 50% chi phí tố tụng.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tổng cộng 7.500.000 đồng, chị C đã tạm ứng nên cần buộc anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị C số tiền 3.750.000 đồng.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định. Chị C, anh T phải chịu án phí chia tài sản chung theo qui định.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 9, 14, 16, 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào các điều 213, 216 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C.

1. Về tình cảm: Ghi nhận chị Phạm Thị C và anh Trương Minh T thuận tình ly hôn.

2. Về tài sản chung: Anh Trương Minh T được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà cấp IV, trệt, kết cấu móng cột BTCT, nền lát gạch ceramic, vách tường xây gạch được ốp gạch men và sơn nước, mặt tiền ốp gạch trang trí, trần tấm nhựa, mái tole, cửa chính có khung bằng nhôm được lộng kính, diện tích sàn xây dựng 135,56m^2 và mái che có kết cấu cột bằng thép tròn được sơn chống sét, có một hàng cột nhờ bằng BTCT, nền xi măng, không vách, đòn tay bằng thép hộp vuông, mái tole Fibro xi măng, diện tích 36,15m^2, theo chứng thư thẩm định giá số 260/2026/341-ID: 4475 ngày 12/3/2026 của Công ty TNHH T1, căn nhà và mái che nằm trên thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.500m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN12104 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cấp ngày 26/4/2024 cho anh T.

Anh Trương Minh T tiếp tục được quyền sở hữu 01 giường hợp gỗ, 01 tủ áo gỗ, 01 bàn dài gỗ.

Anh Trương Minh T có nghĩa vụ giao cho chị C số tiền là 316.310.700 đồng, 01 giường hợp gỗ, 01 tủ lạnh, 01 bàn trang điểm gỗ, 01 giá võng gỗ.

(Tổng giá trị tài sản chị C hưởng là 346.550.700 đồng, anh T hưởng là 346.550.700 đồng)

Về chi phí tố tụng: Anh T có nghĩa vụ giao cho chị C số tiền 3.750.000 đồng.

Thực hiện giao tiền, tài sản ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 17.327.535 đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào 8.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007430 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và 960.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007368 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị C còn có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 8.617.535 đồng.

Anh Trương Minh T có nghĩa vụ nộp 17.327.535 đồng án phí chia tài sản.

4. Án tuyên lúc 13 giờ 30 phút, ngày 07/8/2026, có mặt chị C, ông D, vắng mặt anh T, anh H. Chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự; có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 36 Luật thi hành án dân sự hoặc bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 72 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Kiều Oanh